TÒA ÁN NHÂN DÂN THẠNHNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 938/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2021.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THẠNHNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- THạnhnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Việt.
2. Bà Lê Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân THạnhnh phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2815/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân THạnhnh phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hán Thị H, sinh năm 1991; Địa chỉ: 315 Bùi Hữu Nghĩa, Phường 1, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Gwangju, Gwangsan-gu, Pyeongdongsandan-ro 143Beon-gil, 11, Korea.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2021 và bản khai ngày 19 tháng 4 năm 2021, nguyên đơn Bà Hán Thị H trình bày:

Bà và Ông Nguyễn Hồng T tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 02/2009 do Ủy ban nhân dân xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh PT cấp ngày 22/11/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2016 thì Ông T đi xuất khẩu lao động HQ, từ đó hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, Ông T không có trách nhiệm với vợ con. Từ

năm 2019 đến nay, không còn về thăm nhà, liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn gửi Tòa án nhân dân THạnhnh phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với Ông Nguyễn Hồng T để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Duy Hồng T, sinh ngày 27/01/2010. Bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hán Thị H khai không có.

Tại bản tự khai ngày 23/4/2021 đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Đại hàn Dân Quốc chứng nhận ngày 23/4/2021, bị đơn Ông Nguyễn Hồng T trình bày: Ông và Bà Hán Thị H tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn 02/2009 do Ủy ban nhân dân xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh PTcấp ngày 22/11/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không sống chung với nhau tại Việt Nam, đến năm 2016 ông đi xuất khẩu lao động, mỗi năm chỉ về thăm nhà được 01 lần, không đóng góp kinh tế gì cho gia đình. Lối sống và suy nghĩ nhiều khác biệt, ngày càng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn để có điều kiện ổn định cuộc sống của riêng mỗi người.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Duy Hồng T, sinh ngày 27/01/2010. Ông đồng ý để bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Hồng T khai không có.

Tại bản khai này, Ông Nguyễn Hồng T có đề nghị xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án, do hiện nay ông đang sinh sống ở HQ, không có điều kiện về Việt Nam giải quyết vụ án.

Ngày 07/5/2021, Bà Hán Thị H có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt bà do bận công việc nên không thê sắp xếp thời gian tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Bà Hán Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Nguyễn Hồng T. Bị đơn hiện đang cư trú tại Gwangju, Gwangsan-gu, Pyeongdongsandan-ro 143Beon-gil, 11, Korea. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là

vụ án hôn nhân và gia đình về Ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến Hạnhnh xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 02/2009 do Ủy ban nhân dân xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh PTcấp ngày 22/11/2009 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Hán Thị H và Ông Nguyễn Hồng T là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, tại bản tự khai của bà H và Ông Nguyễn Hồng T đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng và đồng ý ly hôn để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay mỗi người sống mỗi nơi, không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn, bà H và Ông Nguyễn Hồng T đều muốn ly hôn nhưng do Ông Nguyễn Hồng T không về Việt Nam nên Tòa án không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Bà H yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Duy Hồng T, sinh ngày 27/01/2010 cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại bản khai, Ông T đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ông T đến khi bà H có yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0093866 ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4.2] Về chi phí tố tụng khác: Không có.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Hán Thị H nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với Ông Nguyễn Hồng T thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Hán Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hán Thị H được ly hôn với Ông Nguyễn Hồng T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2009 do Ủy ban nhân dân xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh PTcấp ngày 22/11/2009 cho Bà Hán Thị H và Ông Nguyễn Hồng T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Duy Hồng T, sinh ngày 27/01/2010 cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ông T đến khi bà H có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của Ông T nếu Ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí: Nguyên đơn Bà Hán Thị H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0093866 ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Không có.

3. Thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Hán Thị H nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với Ông Nguyễn Hồng T thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi Hạnhnh án dân sự TP. HCM;
- UBND xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Khánh

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THẠNHNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 26 tháng 6 năm 2019

Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hòa và Bà Phan Thị Nghĩa.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2019 về "tranh chấp ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Hán Thị H; sinh năm 1975; Địa chỉ: 521/71 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, quận Tân Bình, THạnhnh phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Nguyễn Hồng Tấn; sinh năm 1957; Quốc tịch: Canada; Địa chỉ: 3096#11, rue Goyer, Montreal, H3S 1H5, Canada.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã dược xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Biểu quyết : 3/3 các vấn đề sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Hán Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hán Thị H được ly hôn với Ông Nguyễn Hồng T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 101 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, THạnhnh phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/5/2017 cho Bà Hán Thị H và Ông Nguyễn Hồng T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí: Nguyên đơn Bà Hán Thị H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0045028 ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Cục Thi Hạnhnh án dân sự THạnhnh phố Hồ Chí Minh. Bà Dung đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Không có.

3. Thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Hán Thị H nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với Ông Nguyễn Hồng T thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi Hạnhnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hạnhnh án dân sự thì người được thi Hạnhnh án dân sự, người phải thi Hạnhnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hạnhnh án, quyền yêu cầu thi Hạnhnh án, tự nguyện thi Hạnhnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hạnhnh án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi Hạnhnh án dân sự; thời hiệu thi Hạnhnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hạnhnh án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 26 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã dược đọc lại cho tất cả tHạnhnh viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THẠNHNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hòa **Phan Thị Nghĩa** **Ngô Thị Kim Khánh**